TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134**/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 03/6/2022
Về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Hoàng Huy Phúc

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2021/HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị S, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn Cọ Sẻ (thôn 6 cũ), xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Ông Vi Văn C, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn Cọ Sẻ (thôn 6 cũ), xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, bà S có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bà Đặng Thị S trình bầy:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 bà và ông Vi Văn C tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông C chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông C, không thể tiếp tục chung sống. Nên bà đề nghị Toà án giải quyết không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Vi Văn C có 02 con chung, Vi Thị V, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1991, Vi Văn B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1996. Con chung của bà và ông C đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Vi Văn C tự thoả thuận, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Bà và ông Vi Văn C không có vay nợ ai chung, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết bị đơn, ông Vi Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị S chung sống với nhau từ năm 1990, có cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà S trong thời gian chung sống luôn bất đồng quan điểm, mọi ý kiến đều không thống nhất được với nhau. Ông và bà S đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau. Việc bà S khởi kiện đề nghị không công nhận ông và bà S là vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Ông xác định, ông và bà Đặng Thị S có 02 con chung, Vi Thị V, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1991, Vi Văn B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1996. Con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định, ông và bà S tự thoả thuận về tài sản chung, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Ông xác định, ông và bà S không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh về các mối quan hệ hôn nhân của bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C, về nội dung đăng ký kết hôn theo quy định của ông C và bà S tại UBND xã B, huyện H, nơi bà S và ông C cùng chung sống từ trước đến nay. Kết quả xác minh thể hiện các nội dung đều đúng với thông tin mà bà S và ông C đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Do ông Vi Văn C không đến Toà án để làm việc nên Toà án nhân dân huyện H đã tiến hành lấy lời khai của ông C tại nhà riêng của ông C ở thôn Cọ Sẻ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông C xác nhận có nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà án để làm việc do nhà xa, ông còn phải làm ăn không có thời gian để đến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, không đến Tòa án để làm việc theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C là vợ chồng; bà S và ông C có 02 con chung, Vi Thị V, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1991, Vi Văn B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1996. Con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, bà S và ông C không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung nên không đề nghị xem xét giải quyết. Bà S ông C đều xác nhận tài sản chung ông bà tự thỏa thuận, vay nợ chung không có, nên không đề nghị xem xét về phần tài sản và vay nợ chung. Bà Đặng Thị S phải chịu án phí theo quy định, ông Vi Văn C không phải chịu án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C đều đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Cọ Sẻ (thôn 6 cũ), xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà S và ông C chung sống có cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn; bà S có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận bà và ông C là vợ chồng và các nội dung khác có liên quan. Quan hệ tranh chấp được xác định đầy đủ là Tranh chấp hôn nhân và gia đình trong trường hợp vợ chồng không đăng ký kết hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ, phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ khoảng năm 2010 đến nay ông bà sống ly thân. Bà S và ông C đều xác định không còn tình cảm, không tiếp tục chung sống, do không có đăng ký kết hôn nên bà S và ông C đều có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết không công nhận bà S và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C có 02 con chung, Vi Thị V, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1991, Vi Văn B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1996. Con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập. Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản, đất đai; bà S ông C không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị S phải chịu toàn bộ án phí vụ án, ông Vi Văn C không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 235, 238, 266; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị S và ông Vi Văn C.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004538, ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Bà S đã nộp đủ án phí của vụ án.

Ông Vi Văn C không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Hà Quang Thịnh – Hoàng Huy Phúc	**Lương Thanh Huyền**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- CC THADS h.Hàm Yên;
- UBND xã B;
- Các đương sự ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thanh Huyền